

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang"

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 1187/QĐ-BNV ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương";

Căn cứ Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TU, ngày 18/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính gắn với đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu đổi mới, giai đoạn 2025-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 609 /TTr-SNV ngày 13 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang" (sau đây gọi tắt là Chỉ số CCHC), với các nội dung chính sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

Theo dõi, đánh giá thực chất, khách quan, công bằng và toàn diện kết quả thực hiện cải cách hành chính (CCHC) hằng năm của các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị, địa phương) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; qua đó xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC,

làm cơ sở nhận diện kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và đề xuất giải pháp khắc phục, nâng cao chất lượng, hiệu quả CCHC, góp phần thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đánh giá khách quan, toàn diện và thực chất kết quả thực hiện CCHC hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở các tiêu chí, tiêu chí thành phần và phương pháp đánh giá thống nhất, bảo đảm công bằng, minh bạch và phù hợp với thực tiễn.

- Đổi mới phương pháp đánh giá theo hướng đa chiều, kết hợp định lượng và định tính, giữa đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ với đánh giá tác động, hiệu quả của CCHC; kết hợp kết quả tự đánh giá của cơ quan, đơn vị, địa phương với kết quả thẩm định, đánh giá độc lập và đánh giá của người dân, tổ chức đối với chất lượng phục vụ và kết quả CCHC.

- Xác định, so sánh và xếp hạng kết quả CCHC hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở kết quả đánh giá, chấm điểm theo bộ tiêu chí; bảo đảm phản ánh tương đối đầy đủ, chính xác mức độ và chất lượng thực hiện CCHC của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tạo cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương tự nhận diện kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, từ đó xây dựng, thực hiện các giải pháp khắc phục, cải thiện những tiêu chí, lĩnh vực còn hạn chế và từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CCHC hằng năm.

2. Yêu cầu

a) Chỉ số CCHC phải bám sát nội dung Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ; Đề án “Xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các Nghị quyết, chương trình, nhiệm vụ CCHC của tỉnh Tuyên Quang theo từng giai đoạn, từng năm. Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cơ quan, đơn vị, địa phương theo đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương. Phương pháp đánh giá phải khoa học, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ.

b) Việc xác định Chỉ số CCHC phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của tỉnh và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Tăng cường sự tham gia đánh giá của cá nhân, tổ chức đối với quá trình triển khai thực hiện công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương thông qua điều tra xã hội học.

d) Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

đ) Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để nâng cao tính công khai, minh bạch và khách quan trong công tác theo dõi, đánh giá.

g) Hàng năm tổ chức triển khai xác định, công bố Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

Công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện CCHC hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng áp dụng:

- Các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã, phường.

4. Nguyên tắc áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, địa phương có thay đổi về tổ chức bộ máy

a) Đối với cơ quan, đơn vị, địa phương được hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể, thành lập mới hoặc có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong năm đánh giá, việc xác định Chỉ số CCHC phải bảo đảm tính kế thừa, liên tục, khách quan, công bằng; phản ánh đầy đủ kết quả thực hiện nhiệm vụ, không bỏ sót, không tính trùng kết quả và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC, số liệu, hồ sơ, tài liệu kiểm chứng của cơ quan, đơn vị, địa phương trước thời điểm thay đổi về tổ chức bộ máy được cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ kế thừa để phục vụ việc tự đánh giá, thẩm định và xác định Chỉ số CCHC đối với phần nhiệm vụ đã thực hiện trước thời điểm thay đổi.

c) Đối với nhiệm vụ được giao hoặc phát sinh kể từ thời điểm hợp nhất, sáp nhập, chia tách, thành lập mới hoặc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận hoặc được giao thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện, cung cấp số liệu, hồ sơ, tài liệu kiểm chứng và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện theo quy định.

d) Trường hợp chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương cũ được chuyển giao cho nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương thì kết quả thực hiện được xác định theo chức năng, nhiệm vụ và thời gian thực hiện của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm không bỏ sót kết quả, không tính trùng kết quả và phù hợp với thẩm quyền được giao.

đ) Trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương không được giao hoặc không còn được giao thực hiện một số nhiệm vụ, tiêu chí, tiêu chí thành phần do thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc tổ chức bộ máy thì không thực hiện đánh giá, không tính điểm đối với các nội dung không thuộc phạm vi thực hiện; tổng điểm tối đa được điều chỉnh tương ứng theo quy định của Đề án và hướng dẫn của Sở Nội vụ.

e) Cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, lưu trữ và cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, dữ liệu kiểm chứng của cơ quan, đơn vị, địa phương trước khi thay đổi về tổ chức bộ máy để phục vụ công tác tự đánh giá, thẩm định và xác định Chỉ số CCHC.

g) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn việc xác định đối tượng đánh giá, phạm vi nhiệm vụ, thời gian đánh giá, điểm tối đa và hồ sơ, tài liệu kiểm chứng đối với từng trường hợp cụ thể phát sinh do thay đổi về

tổ chức bộ máy, bảo đảm thống nhất, khách quan, công bằng và kế thừa kết quả CCHC qua các năm.

II. NỘI DUNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của các Sở, ban, ngành:

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của các Sở, ban, ngành được cấu trúc thành 08 lĩnh vực đánh giá, 42 tiêu chí, 80 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 10 tiêu chí và 06 tiêu chí thành phần.
- Cải cách thể chế: 06 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần.
- Cải cách thủ tục hành chính: 04 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần.
- Cải cách tổ chức bộ máy: 03 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần.
- Cải cách chế độ công vụ: 07 tiêu chí và 18 tiêu chí thành phần.
- Cải cách tài chính công: 03 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần.
- Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước: 04 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần.
- Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức (Chỉ số SIPAS): 05 tiêu chí.

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của các Sở, ban, ngành được nêu chi tiết tại Phụ lục I (kèm theo Quyết định này).

b) Thang điểm đánh giá là 100 điểm, trong đó:

- Điểm đánh giá thực hiện công tác CCHC là 68/100 điểm.
- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 32/100 điểm (*trong đó: điểm điều tra xã hội học đối với lãnh đạo, công chức, viên chức là: 22 điểm; điểm điều tra xã hội học khảo sát người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS) là: 10 điểm*).

Lưu ý: Trường hợp một số nhiệm vụ tại tiêu chí, tiêu chí thành phần không được giao hoặc không thuộc phạm vi, thẩm quyền thực hiện của cơ quan, đơn vị, địa phương thì không đánh giá, không tính điểm đối với nhiệm vụ đó; tổng điểm tối đa được điều chỉnh tương ứng.

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Phụ lục I.

c) Phương pháp đánh giá:

- Tự đánh giá của các Sở, ban, ngành:
 - + Các Sở, ban, ngành tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của Sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Điểm tự đánh giá của các Sở, ban, ngành thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Phụ lục I.
 - + Điểm tự đánh giá của các Sở, ban, ngành được Sở Nội vụ và các cơ quan phụ trách các lĩnh vực thực hiện thẩm định. Kết quả điểm cuối cùng được thể hiện

tại cột "Điểm thẩm định" của Phụ lục I.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học:

- + Các tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột "Ghi chú" của Phụ lục I. Việc điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau, do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

- + Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí của Chỉ số CCHC của các Sở, ban, ngành.

- + Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột "Điều tra XHH" của Phụ lục I.

- d) Tổng hợp, xác định kết quả Chỉ số CCHC của các Sở, ban, ngành:

- Tổng hợp điểm đánh giá qua điều tra xã hội học với điểm thẩm định của Sở Nội vụ và các cơ quan được giao theo dõi, phụ trách các lĩnh vực được thể hiện tại cột "Điểm đạt được".

- Chỉ số CCHC được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa của từng Sở, ban, ngành. Chỉ số CCHC của các Sở, ban, ngành được thể hiện ở dòng cuối cùng của Phụ lục I.

- Các chỉ số thành phần theo lĩnh vực, tiêu chí, được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng lĩnh vực, tiêu chí.

- đ) Tài liệu, dữ liệu kiểm chứng:

- Đối với các kế hoạch, báo cáo và văn bản liên quan đến công tác CCHC phải được ban hành có chữ ký số (file PDF); thời gian, nội dung phải bảo đảm theo đúng các văn bản hướng dẫn của cơ quan chủ trì các nội dung CCHC.

- Đối với các văn bản liên quan đến công tác CCHC trong nội bộ cơ quan, khi triển khai thực hiện, các đơn vị phải có văn bản gửi về cơ quan chủ trì nội dung CCHC để làm tài liệu kiểm chứng.

- Đối với dữ liệu đã được liên thông, cập nhật thường xuyên thì được sử dụng để phục vụ công tác thẩm định, đánh giá; dữ liệu chưa được kết nối, đồng bộ, các Sở, ban, ngành có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời theo thời gian thực tại thời điểm đánh giá.

- e) Xếp hạng Chỉ số CCHC của các Sở, ban, ngành:

- Kết quả Chỉ số CCHC của các Sở, ban, ngành được xếp hạng theo thứ tự từ cao xuống thấp.

- Kết quả Chỉ số CCHC được xếp loại theo 05 mức độ như sau:

- + Mức XUẤT SẮC tương ứng với kết quả Chỉ số CCHC đạt từ 90% trở lên;

- + Mức TỐT tương ứng với kết quả Chỉ số CCHC đạt từ 80% - dưới 90%;

- + Mức KHÁ tương ứng với kết quả Chỉ số CCHC đạt từ 70% - dưới 80%;

- + Mức TRUNG BÌNH tương ứng với kết quả Chỉ số CCHC đạt từ 50% - dưới 70%;

- + Mức KÉM tương ứng với kết quả Chỉ số CCHC đạt dưới 50%.

Trường hợp các Sở, ban, ngành có số điểm bằng nhau thì xếp đồng hạng.

2. Chỉ số CCHC của Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của Ủy ban nhân dân xã, phường:

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của Ủy ban nhân dân xã, phường được cấu trúc thành 08 lĩnh vực đánh giá, 41 tiêu chí, 86 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 10 tiêu chí và 06 tiêu chí thành phần.
- Cải cách thể chế: 05 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần.
- Cải cách thủ tục hành chính: 04 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần.
- Cải cách tổ chức bộ máy: 03 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần.
- Cải cách chế độ công vụ: 07 tiêu chí và 18 tiêu chí thành phần.
- Cải cách tài chính công: 03 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần.
- Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước: 04 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần.
- Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế: 05 tiêu chí và 09 tiêu chí thành phần.

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của Ủy ban nhân dân xã, phường được nêu chi tiết tại Phụ lục II (kèm theo Quyết định này).

b) Thang điểm đánh giá là 100 điểm, trong đó:

- Điểm đánh giá thực hiện công tác CCHC là 68/100 điểm.
- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là 32/100 điểm (*trong đó: điểm điều tra xã hội học đối với lãnh đạo, công chức, viên chức là: 22 điểm; điểm điều tra xã hội học khảo sát người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS) là: 10 điểm*).

Lưu ý: Trường hợp một số nhiệm vụ tại tiêu chí, tiêu chí thành phần không được giao hoặc không thuộc phạm vi, thẩm quyền thực hiện của cơ quan, đơn vị, địa phương thì không đánh giá, không tính điểm đối với nhiệm vụ đó; tổng điểm tối đa được điều chỉnh tương ứng.

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Phụ lục II.

c) Phương pháp đánh giá:

- Tự đánh giá của Ủy ban nhân dân xã, phường:
 - + Ủy ban nhân dân xã, phường tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Điểm tự đánh giá của Ủy ban nhân dân xã, phường thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Phụ lục II.

+ Điểm tự đánh giá của Ủy ban nhân dân xã, phường được Sở Nội vụ và các cơ quan được giao phụ trách các lĩnh vực thẩm định. Kết quả điểm cuối cùng được thể hiện tại cột "Điểm thẩm định" của Phụ lục II.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học:

+ Các tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Ghi chú” của Phụ lục II. Việc điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau, do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

+ Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí của Chỉ số CCHC của Ủy ban nhân dân xã, phường.

+ Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Điều tra XHH” của Phụ lục II.

d) Tổng hợp, xác định kết quả Chỉ số CCHC của Ủy ban nhân dân xã, phường:

- Tổng hợp điểm đánh giá qua điều tra xã hội học với điểm thẩm định của Sở Nội vụ và các cơ quan được giao theo dõi, phụ trách các lĩnh vực được thể hiện tại cột "Điểm đạt được".

- Chỉ số CCHC được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa của Ủy ban nhân dân xã, phường. Chỉ số CCHC của Ủy ban nhân dân xã, phường được thể hiện ở dòng cuối cùng của Phụ lục II.

- Các chỉ số thành phần theo lĩnh vực, tiêu chí, được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng lĩnh vực, tiêu chí.

đ) Tài liệu, dữ liệu kiểm chứng:

- Đối với các kế hoạch, báo cáo và văn bản liên quan đến công tác CCHC phải được ban hành có chữ ký số (file PDF); thời gian, nội dung phải bảo đảm theo đúng các văn bản hướng dẫn của cơ quan chủ trì các nội dung CCHC.

- Đối với các văn bản liên quan đến công tác CCHC trong nội bộ cơ quan, khi triển khai thực hiện, các đơn vị phải có văn bản gửi về cơ quan chủ trì nội dung CCHC để làm tài liệu kiểm chứng.

- Đối với dữ liệu đã được liên thông, cập nhật thường xuyên thì được sử dụng để phục vụ công tác thẩm định, đánh giá; dữ liệu chưa được kết nối, đồng bộ, Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời theo thời gian thực tại thời điểm đánh giá.

e) Xếp hạng Chỉ số CCHC của Ủy ban nhân dân xã, phường:

- Kết quả Chỉ số CCHC của Ủy ban nhân dân xã, phường được xếp hạng theo thứ tự từ cao xuống thấp.

- Kết quả Chỉ số CCHC được xếp loại theo 05 mức độ như sau:

- + Mức XUẤT SẮC tương ứng với kết quả Chỉ số CCHC đạt từ 90% trở lên;
- + Mức TỐT tương ứng với kết quả Chỉ số CCHC đạt từ 80% - dưới 90%;
- + Mức KHÁ tương ứng với kết quả Chỉ số CCHC đạt từ 70% - dưới 80%;
- + Mức TRUNG BÌNH tương ứng với kết quả Chỉ số CCHC đạt từ 50% - dưới 70%;
- + Mức KÉM tương ứng với kết quả Chỉ số CCHC đạt dưới 50%.

Trường hợp Ủy ban nhân dân xã, phường có số điểm bằng nhau thì xếp đồng hạng.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả chỉ đạo điều hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với việc tổ chức triển khai công tác CCHC và xác định Chỉ số CCHC

- Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC nghiêm túc, đồng bộ, thống nhất, toàn diện, hiệu quả theo Kế hoạch CCHC hằng năm của tỉnh.

- Chỉ đạo thực hiện thường xuyên, liên tục công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính; bảo đảm việc tổng hợp, thống kê, đánh giá và báo cáo kết quả CCHC trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về Chỉ số CCHC

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến về mục tiêu, nội dung, kết quả Chỉ số CCHC hằng năm dưới nhiều hình thức khác nhau (hội nghị, hội thảo, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng...) nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và tăng cường sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quá trình theo dõi, đánh giá kết quả triển khai CCHC hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương: Phân công công chức thực hiện công tác CCHC; tổ chức theo dõi, đánh giá thường xuyên, liên tục kết quả thực hiện cải cách hành chính; tổng hợp, đánh giá trung thực, khách quan, đầy đủ kết quả thực hiện hằng năm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định trong Chỉ số CCHC.

- Các cơ quan được giao phụ trách các lĩnh vực CCHC có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện CCHC thuộc lĩnh vực được phân công; phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan thẩm định, đánh giá kết quả CCHC hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số và bảo đảm kinh phí cho công tác xác định Chỉ số CCHC

- Xây dựng, hoàn thiện Phần mềm quản lý, chấm điểm CCHC, bảo đảm việc xác định Chỉ số CCHC chính xác, khách quan và minh bạch. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về Chỉ số CCHC, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong công tác theo dõi, đánh giá. Nghiên cứu, áp dụng các hình thức điều tra xã hội học phù hợp để lấy ý kiến đánh giá của người dân, tổ chức đối với kết quả CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Bảo đảm bố trí đủ kinh phí để triển khai công tác xác định Chỉ số CCHC hằng năm theo quy định của pháp luật; ưu tiên kinh phí phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số, điều tra xã hội học và xây dựng, vận hành, nâng cấp phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác theo dõi, đánh giá.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

1.1. Sở Nội vụ (cơ quan chủ trì triển khai Đề án)

- Ban hành văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai việc xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tham mưu ban hành và tổ chức triển khai công tác CCHC và xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương, bao gồm:

+ Tổ chức triển khai công tác tự đánh giá chấm điểm kết quả CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

+ Tổ chức công tác điều tra xã hội học: Nghiên cứu, xác định đối tượng điều tra xã hội học và xây dựng bộ câu hỏi điều tra xã hội học phù hợp với từng nhóm đối tượng; xác định quy mô mẫu điều tra xã hội học. Xác định phương thức tổ chức điều tra xã hội học phù hợp với điều kiện thực tế. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện điều tra xã hội học phục vụ cho việc xác định Chỉ số CCHC hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Chủ trì tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo hướng tập trung tại một địa điểm, trong cùng thời gian; đồng thời kiểm soát, rà soát kết quả thẩm định của các cơ quan được phân công, bảo đảm kết quả đánh giá chính xác, khách quan, minh bạch và thống nhất.

+ Tổng hợp, đối soát số liệu, kết quả đánh giá và xây dựng báo cáo Chỉ số CCHC, bảo đảm tính chính xác, thống nhất của kết quả tổng hợp.

+ Tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC để xem xét, đánh giá kết quả trên cơ sở kết quả tự đánh giá, thẩm định và kiểm soát của Sở Nội vụ; tham mưu Chủ tịch Hội đồng kết luận các nội dung cần điều chỉnh, thống nhất.

+ Chủ trì, phối hợp tổ chức công bố Chỉ số CCHC hằng năm sau khi được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền về Chỉ số CCHC trong kế hoạch tuyên truyền CCHC hằng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát nội dung Chỉ số CCHC để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế và từng nhóm cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Chủ trì, tham mưu kiểm tra, giám sát việc thực hiện CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương; hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện bảo đảm đúng quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện, chủ động báo cáo Chủ tịch Hội đồng để điều chỉnh thời gian cho phù hợp với yêu cầu thực tế, phát sinh (nếu có).

- Nghiên cứu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi, đánh giá: Xây dựng, sửa đổi, điều chỉnh nội dung và vận hành phần mềm quản lý chấm điểm CCHC; thực hiện khảo sát trực tuyến; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về Chỉ số CCHC.

1.2. Sở Tài chính: Trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ trì, tham mưu Ủy

ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật để cơ quan thực hiện nhiệm vụ được giao bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

1.3. Các cơ quan phụ trách các lĩnh vực CCHC (Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Thanh tra tỉnh)

- Chọn cử lãnh đạo cơ quan và công chức các phòng chuyên môn có liên quan tham gia Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc Hội đồng xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương, gửi về Sở Nội vụ tổng hợp **trước ngày 05/9/2026**.

- Phối hợp với Sở Nội vụ trong hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp các tài liệu kiểm chứng phục vụ chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao.

- Tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả triển khai CCHC đối với lĩnh vực được giao phụ trách:

+ Sở Nội vụ: (1) Trực tiếp theo dõi, đánh giá lĩnh vực: Công tác chỉ đạo điều hành về CCHC (trừ tiêu chí 1.7 và 1.8); cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ và tác động của CCHC đến người dân, tổ chức (Phụ lục I, II - Mức độ hài lòng; (2) Đối với các lĩnh vực, tiêu chí được giao cho các cơ quan chuyên môn khác theo dõi, thẩm định, Sở Nội vụ có trách nhiệm kiểm soát, rà soát kết quả thẩm định, bảo đảm việc đánh giá được thực hiện đúng tiêu chí, đúng thẩm quyền.

+ Sở Tư pháp: Trực tiếp theo dõi, đánh giá lĩnh vực cải cách thể chế.

+ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Trực tiếp theo dõi, đánh giá lĩnh vực: Công tác chỉ đạo điều hành về CCHC (Tiêu chí 1.8); cải cách thủ tục hành chính và lĩnh vực Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước (Tiêu chí 7.3; Tiêu chí thành phần: 7.4.3, 7.4.4, 7.4.5).

+ Sở Tài chính: Trực tiếp theo dõi, đánh giá lĩnh vực cải cách tài chính công và tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội (Tiêu chí 8.2, 8.4, 8.5 và tiêu chí thành phần 8.3.1, 8.3.2, 8.3.3).

+ Sở Khoa học và Công nghệ: Trực tiếp theo dõi, đánh giá lĩnh vực Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước (Tiêu chí 7.1, 7.2 và tiêu chí thành phần 7.4.1) và tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội (Tiêu chí thành phần 8.3.4).

+ Thanh tra tỉnh: Trực tiếp theo dõi, đánh giá lĩnh vực công tác chỉ đạo, điều hành CCHC (Tiêu chí 1.7).

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả, theo dõi, đánh giá Chỉ số CCHC đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc trách nhiệm của ngành.

1.4. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường

- Tổ chức phổ biến, quán triệt quy định đánh giá kết quả CCHC trên địa bàn tỉnh; tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo tự đánh giá chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương theo hướng dẫn của Sở Nội vụ; phân công công chức theo dõi, tổng hợp, tự đánh giá chấm điểm kết quả CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương mình, bảo đảm theo đúng thời gian quy định.

- Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc tổ chức điều tra xã hội học để xác định Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Công khai kết quả tự đánh giá, báo cáo Chỉ số CCHC trên cổng thông tin điện tử hoặc bảng tin của cơ quan, đơn vị, địa phương để bảo đảm minh bạch, đồng thời tạo điều kiện cho người dân, tổ chức giám sát.

- Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác, trung thực, khách quan của số liệu, tài liệu trong báo cáo; trường hợp chậm trễ hoặc không thực hiện, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải giải trình và có hình thức xử lý trách nhiệm theo quy định.

2. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai xác định Chỉ số CCHC hằng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình xác định Chỉ số CCHC của các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng, đơn vị thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, TCD, BV.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Anh Tuấn